

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 222/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21- 4 - 2025
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 135/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 1998 (không tổ chức đám cưới) cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M; Về con chung: Có 03 người con chung gồm Nguyễn Trần A – sinh ngày 12/8/1999, Nguyễn Hữu T – sinh ngày 08/12/2001, Nguyễn Ngọc T1

– sinh ngày 09/01/2004, hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa anh và chị M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị M là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng; nhưng chị không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị M.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh H và chị M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống luôn cãi nhau với lý do tính tình không hợp, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh H và chị M cưới nhau vào năm 1998, kể từ đó cho đến ngày phát sinh tranh chấp thì anh - chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng. Sau đó, sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay là không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh H và chị M không được pháp luật thừa nhận. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

{2.2} Về con chung: Anh, chị xác định có 03 người con chung gồm Nguyễn Trần A – sinh ngày 12/8/1999, Nguyễn Hữu T – sinh ngày 08/12/2001, Nguyễn Ngọc T1 – sinh ngày 09/01/2004, các cháu đã trưởng thành nên không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh Nguyễn Văn H phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009191 ngày 10/2/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không giải quyết

3. Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Nguyễn Văn H phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009191 ngày 10/2/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Anh H được tính từ ngày tuyên án (21/4/2025); chị M được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên